TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2021/DS-PT
Ngày 31 – 12 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh và ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Bích Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 222/2021/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2021/QĐPT-DS ngày 01/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Trung H, sinh năm 1972 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1973; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 6, TT K, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. (Vắng mặt).

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Y T Knông, sinh năm 1983; Địa chỉ: Buôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đăk Lăk (Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2021). (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1975 và bà Phùng Thị Tuyết S, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ: Thôn 12, xã N, huyện K, Đăk Lăk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Người kháng cáo:** Bị đơn ông Nguyễn Tấn T1 và bà Phùng Thị Tuyết S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Y T Knông trình bày:

Ngày 26/5/2019, vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh Trung H có cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn T1 và bà Phùng Thị Tuyết S vay số tiền 490.000.000 đồng, hẹn trả vào ngày 26/5/2021, không tính lãi suất, việc vay tiền được các bên lập hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng T, mục đích vay về để đáo nợ Ngân

hàng. Đến hạn vợ chồng T, S chưa trả khoản nào nên tại khởi kiện vợ chồng bà T, ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng T1, S phải trả nợ gốc 490.000.000 đồng. Quá trình tố tụng, vợ chồng T, H xác nhận vợ chồng ông T1, S đã trả được 51.000.000đ tiền gốc nên yêu cầu phải trả 439.000.000đ gốc và yêu cầu tính tiền lãi suất phát sinh đối với số tiền chậm trả tạm tính từ ngày 26/5/2021 đến ngày 30/8/2021 là 03 (ba) tháng 04 (bốn) ngày, với lãi suất 1,67%/tháng thành tiền 22.971.000 (làm tròn số). Tổng cộng cả gốc và lãi tạm tính 461.971.000đ.

Tại bản tự khai ngày 23/6/2021 và trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn bà Phùng Thị Tuyết S trình bày:

Yêu cầu khởi kiện bà T, ông H như vậy thì chúng tôi thừa nhận, vợ chồng tôi có nợ vợ chồng chị T số tiền như khởi kiện, số tiền tôi vay về cũng cho nhiều người vay lại nhưng đến hạn họ không trả nợ cho tôi như đã thỏa thuận nên chưa trả được nợ cho chị T.

Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, dịch bệnh nên chúng tôi vẫn chưa trả được cho bà T toàn bộ số tiền gốc cũng như lãi phát sinh. Nay vợ chồng chị T làm đơn khởi kiện yêu cầu chúng tôi trả toàn bộ gốc 490.000.000 đồng, thời hạn trả là hai năm, không tính lãi suất, trong thời gian này tôi đã trả được cho bà T, ông H số tiền là 51.000.000đ *(năm mươi mốt triệu đồng*) tiền gốc, số tiền còn lại là 439.000.000đ *(bốn trăm ba mươi chín triệu đồng)* và toàn bộ số tiền lãi suất phát sinh tạm tính từ ngày 26/5/2021 đến ngày 20/7/2021 như vậy tôi không đồng ý. Bởi vì khi chốt nợ lại là hai bên thống nhất không tính lãi suất. Nay vợ chồng chị T, anh H khởi kiện yêu cầu tôi trả nợ vào một lần vào ngày 25/8/2021 thì tôi không có khả năng nên tôi không đồng ý. Tôi có nguyện vọng sẽ được trả nợ dần, hàng tháng có bao nhiêu trả bấy nhiêu, vì hiện tại gia đình tôi rất khó khăn.

Tại biên bản lấy lời ngày 09/7/2021 bị đơn ông Nguyễn Tấn T1 trình bày:

Trong quá trình làm ăn giữa vợ tôi là Phùng Thị Tuyết S và vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh Trung H thì giai đoạn đầu tôi hoàn toàn không biết sự việc này, mục đích vợ tôi vay tiền về để làm gì cũng không bàn tôi. Đến sau này khi gần vỡ nợ ra thì tôi mới biết, khi nghe vợ kể thì không biết phải tính sao, tôi nghĩ là vợ chồng với nhau nên cùng vợ tìm cách giải quyết để trả nợ cho bà T, ông H. Vào ngày 26/5/2019 bà T có gọi hai chồng lên nhà nói chuyện và ghi giấy mượn tiền số tiền 490.000.000 đồng thì vợ chồng tôi đồng ý và ký vào giấy vay mượn tiền. Bà T và ông H cho chúng tôi trả gốc trong vòng hai năm, hạn trả cuối cùng là 26/5/2021. Hai bên thỏa thuận không tính lãi.

Sau đó vào ngày 06/6/2019 chúng tôi có ra Văn phòng công chứng T (có địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) để lập hợp đồng cho vay tiền số tiền 490.000.000 đồng. Các bên gồm vợ chồng tôi và vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh Trung H.

Trong quá trình vay mượn thì chúng tôi có trả được cho bà Bùi Thị T và ông Huỳnh Trung H số tiền 51.000.000đ (Năm mươi mốt triệu đồng) tiền gốc. Như vậy số tiền gốc còn lại là 439.000.000đ (Bốn trăm ba mươi chín triệu đồng).

Nay bà Bùi Thị T, ông Huỳnh Trung H làm đơn khởi kiện, do kinh tế khó khăn, dịch bệnh nên chúng tôi có nguyện vọng được trả góp, có bao nhiêu thì trả bấy nhiêu, chứ không ấn định được thời hạn trả nợ và trả bao nhiêu tiền, vì nếu hứa sợ lại không thực hiện được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T và ông Huỳnh Trung H. Buộc ông Nguyễn Tấn T1 và bà Phùng Thị Tuyết S phải có trách nhiệm cùng liên đới trả cho bà Bùi Thị T và ông Huỳnh Trung H số tiền là 439.000.000đ (Bốn trăm ba mươi chín triệu đồng) tiền gốc và 14.210.000 đồng tiền lãi.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu đối với số tiền 51.000.000đ (năm mươi mốt triệu đồng) tiền gốc và 8.761.000đ (Tám triệu bảy trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) tiền lãi của nguyên đơn Bùi Thị T và ông Huỳnh Trung H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/10/2021, bị đơn bà Phùng Thị Tuyết S kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét về số tiền gốc, tiền lãi và án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, đồng ý số tiền bị đơn bà Phùng Thị Tuyết S đã trả là 52.000.0000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo chứng cứ cung cấp và bị đơn trình bày đã trả cho nguyên đơn tổng 51.000.000đ nợ gốc và được nguyên đơn thừa nhận. Tuy nhiên, xét giấy theo dõi việc trả nợ giữa các bên thể hiện tại bút lục số 32 thì tổng số tiền bị đơn đã trả là 52.000.000đ. Ngoài ra hợp đồng vay có thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 26/5/2019 đến ngày 26/5/2021. Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao quy định thì thời

điểm xác định ngày chậm trả bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc, tức ngày 27/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó, cần sửa Bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và ông H, buộc ông T1 bà S phải trả cho bà T, ông H số tiền 438.000.000đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 27/5/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về hình thức: Bị đơn bà Phùng Thị Tuyết S kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy: ngày 06/6/2019, ông T1, bà S có vay của bà T, ông H 490.000.000đ gốc, hẹn trả ngày 26/5/2021, hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất, được các bên lập văn bản đồng thời được công chứng tại Văn phòng công chứng T. Các bên xác nhận ông T1, bà S mới trả được cho ông T1, bà H 51.000.000đ gốc. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T1, bà S phải có nghĩa vụ trả tổng 461.971.000đ (trong đó, 439.000.000đ nợ gốc và 22.917.000đ nợ lãi). Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm đại diện ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc 51.000.000đồng và thay đổi yêu cầu tính lãi suất từ ngày 26/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2021 với mức lãi suất từ 20% xuống còn 10%/năm là có căn cứ, phù hợp với lời thừa nhận của các bên, phù hợp với hợp đồng vay tiền lập ngày 06/6/2019 giữa các bên, phù hợp với các Điều 357; 463; 466; 468 của BLDS

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà S, HĐXX thấy: Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bị đơn trình bày đã trả cho nguyên đơn tổng 51.000.000đ nợ gốc và được nguyên đơn thừa nhận. Tuy nhiên, xét giấy theo dõi việc trả nợ giữa các bên thể hiện tại Bút lục số 32 thì tổng số tiền bị đơn đã trả là 52.000.000đồng, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác nhận tổng số tiền bị đơn đã trả là 52.000.000đồng. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bà T cần sửa bản án sơ thẩm. Cụ thể, cần buộc bà S, ông T1 phải trả cho bà T, ông H số tiền gốc là 438.000.000đ là phù hợp với giấy theo dõi trả nợ giữa các bên.

Xét kháng cáo về tính lãi suất, HĐXX thấy: Cần buộc ông T1, bà S phải trả lãi suất trên số nợ gốc 438.000.000đ x 0.83%/tháng x 3 tháng 25 ngày = 13.950.000đồng (tính từ ngày 27/5/2021 đến hết ngày 22/9/2021) là phù hợp với Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối Cao; Điều 468 của BLDS.

Như vậy, tổng số tiền ông T1, bà S phải trả cho ông T, bà H 451.935.000đ.

Xét kháng cáo xin trả nợ dần là không phù hợp với cam kết tại giấy vay tiền và

không được người có quyền tức nguyên đơn đồng ý. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận.

Bản án sơ thẩm buộc ông T1, bà S phải trả cho bà T, ông H tổng 453.210.000 là chưa phù hợp như nhận định và phân tích trên. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bà S, cần sửa bản án sơ thẩm.

- Về án phí: do sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ của bị đơn nên cần tính lại án phí DSST cụ thể: cần buộc vợ chồng T1, S phải 22.077.400đ án phí DSST và buộc ông H, bà T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu 22.128.000đ là sai xót, cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Phùng Thị Tuyết S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà S đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0004911 ngày 29/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk được khấu trừ vào số tiền án phí dân sự phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phùng Thị Tuyết S.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh Trung H.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tấn T1, bà Phùng Thị Tuyết S có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh Trung H tổng số tiền 451.935.000đồng (Bốn trăm năm mươi mốt triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn đồng). Trong đó, nợ gốc 438.000.000đ, nợ lãi 13.935.000đ.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh Trung H buộc ông Nguyễn Tấn T1, bà Phùng Thị Tuyết S trả cho ông H, bà T số tiền gốc 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh Trung H đối với yêu cầu buộc vợ chồng ông Nguyễn Tấn T1, bà Phùng Thị Tuyết S phải trả 51.000.000đ (Năm mươi mốt triệu đồng) nợ gốc và 8.761.000đ (Tám triệu bảy trăm sáu mươi mốt ngàn đồng)tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3]. Về án phí:

- Về án phí DSST:

Buộc vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh Trung H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho vợ chồng bà Bùi Thị T số tiền 11.510.000đồng (Mười một triệu năm trăm mười ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 60AA/2021/0004821 ngày 08/6/2021 mà bà Bùi Thị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tấn T1, bà Phùng Thị Tuyết S phải 22.077.400 (Hai mươi hai triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm đồng) án phí DSST.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Phùng Thị Tuyết S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà bà ơn đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0004911 ngày 29/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk được khấu trừ vào số tiền án phí dân sự phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Bông;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền